

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2020

*V/v: Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuộng

- Th- ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương- Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 438/2019/TLST- HNGĐ ngày 02/12/2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST- HNGĐ ngày 18/3/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị N**, sinh năm 1989*

Địa chỉ: Tổ 2, khu 3c, phường Cẩm Trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh

*Bị đơn: Anh **Hoàng Văn S**, sinh năm 1985*

Địa chỉ: Thôn Ninh Xá, xã L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Người làm chứng:

+ Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn N, xã L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

+ Bà Phạm Thị M, sinh năm 1952

Địa chỉ: Tổ 2, khu 3c, phường C, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Chị N đề nghị vắng mặt; anh S, bà M và anh Q đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Kinh Môn vào ngày 05/10/2012. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống, không còn sự tin yêu lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều tháng nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, không còn khả năng đoàn tụ, hàn gắn nên chị N đề nghị được ly hôn anh S để tạo lập cuộc sống mới;

Về con chung: Vợ chồng chị N, anh S có con chung là Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 29/10/2014. Từ nhỏ đến nay chị N là người trực tiếp nuôi con và đảm bảo cho cháu Quỳnh A ăn học phát triển bình thường như bạn bè cùng tuổi tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chị làm nghề tự do, có việc làm và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con chung. Chị N có mẹ đẻ tạo điều kiện cho mẹ con chị có chỗ ở ổn định sau ly hôn và phụ giúp chị N trong việc chăm sóc con chung. Anh S nhiều năm qua không nuôi con và cũng không có trách nhiệm chăm lo chu cấp thêm cho chị N tiền nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hiện chị N không có gì tranh chấp, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

** Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã tiến hành thủ tục giao cho anh S các tài liệu là: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên hòa giải, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Anh S đều đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.*

** Tại biên bản xác minh ngày 04/02/2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã L cung cấp: Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1985, hiện đang cư trú tại địa chỉ: Thôn Ninh Xá, xã L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh S và chị N làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 05/10/2012. Anh S làm nghề lao động tự do tại tỉnh Quảng Ninh, khi đi khi về. Theo địa phương nắm được thì vợ chồng anh S và chị N sau kết hôn chung sống hòa thuận thời gian đầu. Sau đó vợ chồng không hòa hợp về quan điểm sống và cách làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc,*

hai bên ly thân nhiều tháng nay là đúng thực tế. Chị N và con gái Hoàng Quỳnh A đang sinh sống tại tỉnh Quảng Ninh.

* Bà Phạm Thị M (là mẹ đẻ của chị N) và anh Hoàng Văn Q (là anh trai của anh S) có lời khai xác nhận: Chị N và anh S nhiều tháng vừa qua vợ chồng sống ly thân, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau là đúng thực tế. Hiện chị N và con gái Hoàng Thị Quỳnh A ở tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

Theo anh Q trình bày, anh S có nói lại là việc chị N làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, anh S do bận công việc không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, giao nuôi con chung được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng hiện không có gì tranh chấp, phải xem xét, giải quyết trong vụ án;

Bà M cam kết sẽ tạo điều kiện cho mẹ con chị N có chỗ ở ổn định sau ly hôn, bà M sẽ hỗ trợ thêm chị N trong việc chăm sóc cháu Quỳnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng nh- tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. *Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:* Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn S. Về con chung: Giao cháu Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 29/10/2014 cho chị N nuôi dưỡng; Chấp nhận việc chị N tự nguyện không yêu cầu anh S hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị N phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay chị N có đơn đề nghị vắng mặt, anh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N, anh S được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/10/2012 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh S đang cư trú tại xã L, thị xã Kinh Môn nên Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý đơn khởi kiện của chị N là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân; Căn cứ đơn và yêu cầu của chị N xin ly hôn thì thấy: Qua lời khai của đương sự tại Tòa án, cung cấp của đại diện chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú, lời trình bày của đại diện gia đình đương sự và các tài liệu được thu

thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng chị N, anh S nhiều năm nay không đ- ợc hoà thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong cách làm ăn phát triển kinh tế chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô sát không thể tự giải quyết đ- ợc, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nh- ng tình trạng vợ chồng vẫn không đ- ợc cải thiện. Do không chịu đựng được cuộc sống chung nên nhiều tháng nay vợ chồng đã sống ly thân, độc lập trong làm ăn kinh tế, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc là đúng thực tế. Bản thân anh S đã nhận đ- ợc thông báo phiên hòa giải, nh- ng cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải chứng tỏ anh S cũng không có ý thức mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng chị N, anh S đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt đ- ợc nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh S là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật ;

[3] *Về con chung*: Vợ chồng chị N, anh S có con chung là Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 29/10/2014. Qua lời trình bày của chị N, bà M, anh Q cùng các tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định: Từ nhỏ đến nay cháu Hoàng Quỳnh A đang ở cùng chị N. Cháu Anh được chị N nuôi dưỡng chăm sóc ăn ở học hành phát triển ổn định tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chị N được mẹ đẻ cam kết tạo điều kiện cho chị N và cháu Quỳnh A có chỗ ở ổn định sau khi ly hôn. Do vậy, cần xử cho chị N được quyền nuôi cháu Quỳnh A là có căn cứ pháp luật, đảm bảo ổn định việc ăn ở học hành của cháu Quỳnh A và quyền lợi mọi mặt của cháu Anh sau khi bố mẹ ly hôn. Việc chị N tự nguyện không yêu cầu anh S hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp nên cần chấp nhận.

4] *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng)*: Hiện chị N không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Còn anh S không có mặt tại Tòa, không có ý kiến gửi Tòa án về quan điểm đề nghị giải quyết về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng) nên theo quy định Tòa án không xem xét, giải quyết về nội dung này trong vụ án. Sau này các đ- ơng sự có tranh chấp sẽ đ- ợc xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[5] *Về án phí* : Theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th- ờng vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị N phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh S không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82 ; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là **Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 29/10/2014; Thời gian giao quyền nuôi con chung từ tháng 4 năm 2020.**

Chấp nhận việc chị N tự nguyện không yêu cầu anh S hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị N đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không xem xét, giải quyết trong vụ án. Sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007837 ngày 02/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Người xử công khai sơ thẩm. Tòa án báo cho cho chị N, anh S biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự Kinh Môn;
- UBND xã L (ĐK năm 2012);
- Lưu hồ sơ, V.P

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết

